

VỀ NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN TÀI SẢN CHUNG TRONG LUẬT HÔN NHÂN GIA ĐÌNH VIỆT NAM VÀ LUẬT DÂN SỰ PHÁP

Đoàn Thị Phương Diệp¹

ABSTRACT

In reality, there are many disputes on the common property and private property of spouses, especially in the case that they have conflicts. A new rule defined in Family Law 2000 which did not exist in the previous Family laws enacted in 1959 and 1986 helps to solve these disputes well, it is “the rule to presume the property to be common property”. This rule is analysed on the comparison with French Civil law.

Keywords: *common property, private property, rule to presume the property to be common property*

Title: *The rule to presume the property to be common property*

TÓM TẮT

Vấn đề tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng là lĩnh vực luôn xảy ra nhiều tranh chấp trong thực tiễn, đặc biệt là khi giữa vợ chồng đã phát sinh các mâu thuẫn. Một nguyên tắc góp phần giải quyết tốt các tranh chấp này mới được ghi nhận trong luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (nguyên tắc này chưa tồn tại trong các luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, 1986), đó là « nguyên tắc suy đoán tài sản chung ». Nguyên tắc này được phân tích dưới góc độ so sánh với luật Dân sự của Pháp.

Từ khóa: *Tài sản chung, tài sản riêng, nguyên tắc suy đoán tài sản chung*

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Quan hệ tài sản giữa vợ chồng hay chính xác hơn là chế độ pháp lý về tài sản giữa vợ chồng luôn là vấn đề lôi cuốn sự quan tâm từ nhiều phía, mà đặc biệt là các chủ thể trong quan hệ, nhà làm luật cũng như những người áp dụng pháp luật. Đây cũng là lĩnh vực xảy ra nhiều tranh chấp trong thực tiễn dẫn đến sự cần thiết có một cơ chế pháp lý hoàn chỉnh và phù hợp để có thể giải quyết một cách tốt nhất có thể những mâu thuẫn xảy ra.

Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 cũng như Luật năm 1986 thừa nhận sự cùng tồn tại của ba khối tài sản trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng, tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của vợ và tài sản riêng của chồng. Trong số đó, khối tài sản chung của vợ chồng được người làm luật giành cho rất nhiều sự quan tâm, bảo vệ, một trong những công cụ hữu hiệu để bảo vệ khối tài sản chung là một quy định mà người viết tạm đặt tên là « nguyên tắc suy đoán tài sản chung »². Nguyên tắc này trong khuôn khổ của bài viết sẽ được phân tích dưới góc nhìn so sánh với luật Dân sự Pháp (Bộ luật Dân sự Napoléon 1804).

¹ Khoa Luật

² được dùng trong bài viết của tác giả Đinh Thị Mai Phương (2004) và Nguyễn Ngọc Điện

2 NỘI DUNG CỦA NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN TÀI SẢN CHUNG TRONG LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM SO SÁNH VỚI LUẬT CỦA PHÁP

Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 quy định tại khoản 3 Điều 27 : « Trong trường hợp không có chứng cứ chứng minh tài sản mà vợ chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng thì nó sẽ được suy đoán là tài sản chung». Vấn đề xác định tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng được quy định tương đối cụ thể trong luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, tuy nhiên, trong thực tiễn một khi đời sống chung giữa vợ chồng càng kéo dài thì các tài sản sẽ có xu hướng không thể tránh khỏi là lẫn lộn với nhau, đặc biệt khi vợ chồng xác lập nhiều các giao dịch liên quan đến tài sản. Do đó, không phải lúc nào nguồn gốc của tài sản cũng có thể xác định được theo các quy định về việc xác định tài sản chung (Điều 27) và tài sản riêng (Điều 32). Trong bối cảnh đó, quy định về việc suy đoán tài sản chung mà người làm luật đặt ra trong khoản 3 Điều 27 có ý nghĩa như một nguyên tắc có tính chất định hướng trong việc giải quyết các tranh chấp giữa vợ chồng với nhau về nguồn gốc tài sản.

Nếu việc suy đoán tài sản chung chỉ được ghi nhận một cách đơn giản trong luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì trong luật Dân sự Pháp vấn đề này lại được quy định khá chi tiết tại Điều 1402 « Mọi tài sản, dù là động sản hay bất động sản, đều được coi là tài sản chung của vợ chồng, nếu không chứng minh được đó là tài sản riêng của vợ hoặc của chồng theo quy định của pháp luật.

Nếu không có chứng cứ hoặc dấu vết về nguồn gốc của tài sản thì khi có tranh chấp, quyền sở hữu riêng của vợ chồng phải được chứng minh bằng văn bản. Trường hợp không có bản kiểm kê tài sản hoặc không có chứng cứ nào được xác lập từ trước, thẩm phán có thể xem xét mọi loại giấy tờ, đặc biệt là các loại giấy tờ, sổ sách của gia đình cũng như các tài liệu của ngân hàng và các hóa đơn thanh toán. Thẩm phán cũng có thể chấp nhận lời khai của nhân chứng hoặc suy đoán nếu nhận thấy vợ, chồng không có khả năng cung cấp chứng cứ bằng văn bản»¹

Diễn chung đầu tiên có thể thấy trong quy định của luật Việt Nam và luật của Pháp đó là sự suy đoán pháp lý về nguồn gốc của tài sản. Khoản 3 điều 27 luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam quy định việc suy đoán này sẽ được áp dụng trong trường hợp có tranh chấp giữa vợ chồng về tài sản chung hay riêng, tức là một trong số vợ hoặc chồng cho rằng một hoặc một số tài sản nào đó bất kỳ (cả động sản và bất động sản) tồn tại trong thời kỳ hôn nhân của họ là tài sản riêng của người này. Luật Việt Nam không quy định đặc biệt gì về các loại bằng chứng được sử dụng để chứng minh trong tranh chấp, tuy nhiên, với cách quy định trên của luật, trong thực tiễn tất cả các loại bằng chứng đều có thể được chấp nhận, cả bằng

¹ Bản dịch của Nhà pháp luật Việt –Pháp, Nhà xuất bản Tư pháp 2005, Article 1402 « Tout bien, meuble ou immeuble, est réputé acquêt de communauté si l'on ne prouve qu'il est propre à l'un des époux par application d'une disposition de la loi. Si le bien est de ceux qui ne portent pas en eux-même preuve ou marque de leur origine, la propriété personnelle de l'époux, si elle est contestée, devra être établie par écrit. A défaut d'inventaire ou autre preuve préconstituée, le juge pourra prendre en considération tout écrits, notamment titres de famille, registres et papiers domestique, ainsi que documents de banque et factures. Il pourra même admettre la preuve par témoignage ou présomption, s'il constate qu'un époux a été dans l'impossibilité matérielle ou morale de se procurer un écrit ».

chứng viết, lời khai của nhân chứng, hóa đơn, chứng từ và hẳn nhiên là cả sự thừa nhận của bên còn lại trong tranh chấp (nếu có).

Trong khi đó, các loại bằng chứng chứng minh trong luật của Pháp được liệt kê trong đôi cụ thể. Có thể thấy loại bằng chứng « nặng ký » đầu tiên, được thẩm phán chấp nhận đó là các bằng chứng viết (preuve écrit). Có thể hiểu bằng chứng viết được đề cập trong quy định này là các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu riêng của vợ hoặc chồng với tài sản đang tranh chấp, biên bản kiểm kê tài sản (loại bằng chứng thứ hai này được ghi nhận một cách chính thức trong luật Pháp nhưng có vẻ chưa được thừa nhận chính thức trong luật Việt Nam).

Có thể thấy nguyên nhân của sự khác biệt trong quy định giữa luật Việt Nam và luật của Pháp, từ thời điểm luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 ban hành, nhà làm luật Việt Nam đã quy định tại khoản 2 điều 27 « nếu một tài sản chung của vợ chồng buộc phải đăng ký quyền sở hữu thì trên giấy chứng nhận quyền sở hữu sẽ phải ghi tên của cả hai vợ chồng ». Quy định này được hướng dẫn thêm bởi Nghị định 70/CP (2001) hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 02/HĐTP-TANDTC ban hành ngày 23/12/2000. Cụ thể theo hướng dẫn của nghị quyết số 02/HĐTP-TANDTC thì trong bối cảnh hiện nay khi chúng ta chưa thể đồng loạt áp dụng quy định này một cách triệt để thì mặc dù giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản chỉ ghi tên một người, vợ hoặc chồng thì tài sản đó vẫn được xem là tài sản chung của vợ chồng (điểm 3b Nghị quyết đã dẫn). Hướng dẫn này đưa ra nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên trong quan hệ hôn nhân trong bối cảnh hiện nay khi mà chỉ có một số tài sản có giá trị lớn và theo quy định của luật buộc phải đăng ký quyền sở hữu thì trên giấy chứng nhận quyền sở hữu mới được ghi tên của cả hai vợ chồng.

Sau khi tòa án nhân dân tối cao đưa ra hướng dẫn trên thì đến năm 2001 Chính phủ ban hành Nghị định 70/CP hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân và gia đình 2000, nghị định này quy định rằng « các tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng khi đăng ký quyền sở hữu phải ghi tên của vợ chồng theo quy định tại khoản 2 điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 bao gồm : nhà ở, quyền sử dụng đất và những tài sản khác mà pháp luật buộc phải đăng ký quyền sở hữu »(khoản 1 Điều 5) và « việc đăng ký các tài sản, quyền tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng phải ghi tên của cả vợ và chồng được thực hiện từ ngày Nghị định này có hiệu lực» (ngày Nghị định 70/Cp có hiệu lực là ngày 18/10/2001).

Như vậy, có thể thấy, các quy định hiện nay của chúng ta thể hiện ý đồ rất rõ của nhà làm luật là giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản, giấy đăng ký tài sản hay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ là loại bằng chứng có giá trị pháp lý cao nhất trong việc chứng minh tài sản là tài sản chung của vợ chồng hay tài sản riêng của một trong hai bên. Tuy nhiên, thực tiễn cho đến thời điểm hiện nay các quy định của Nghị định 70/CP vẫn chưa được áp dụng một cách đồng bộ và hiệu quả, và do đó hướng dẫn của Nghị quyết số 02/HĐTP-TANDTC vẫn tiếp tục được sử dụng với đầy đủ ý nghĩa ban đầu của nó, điều này nói lên rằng giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam không được xem là loại bằng chứng có giá trị pháp lý cao nhất để chứng minh việc tài sản tranh chấp là tài sản chung hay tài sản riêng của vợ, chồng. Do thực tiễn này mà trong việc chứng minh nguồn gốc tài

sản bằng việc áp dụng nguyên tắc suy đoán tài sản chung các thẩm phán chấp nhận một cách rộng rãi tất cả các loại bằng chứng có thể có một cách hợp pháp.

Trong khi đó, trong luật của Pháp, việc ghi nhận một cách đồng bộ quyền sở hữu tài sản chung của vợ chồng trong giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản đã đem lại cho loại bằng chứng này giá trị chứng cứ có thể nói là khá chắc chắn được chấp nhận trong thủ tục chứng minh tài sản riêng của vợ, chồng. Như vậy có thể thấy việc chấp nhận một cách rộng rãi các loại chứng cứ chứng minh trong luật Việt Nam đã tạo ra cho các bên vợ, chồng nhiều thuận lợi trong việc bảo vệ quyền lợi của mình, đặc biệt trong bối cảnh các loại tài sản có xu hướng lẫn lộn vào nhau.

Tuy nhiên, về lâu dài, để phù hợp với xu thế khách quan của xã hội hiện đại, đồng thời để có thể bảo vệ một cách tốt hơn quyền của chủ sở hữu tài sản riêng, các quy định của luật về việc ghi tên chủ sở hữu và các quy định hướng dẫn của Nghị định 70/CP nên được tạo cơ sở thực tiễn cho việc thực hiện. Cụ thể là bước đầu phải triệt để áp dụng việc ghi tên chung cho các giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản chung và sau đó thì từng bước tiến hành việc đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản chung. thực hiện tốt điều này sẽ làm giảm gánh nặng cho thẩm phán trong việc xem xét và đánh giá chứng cứ, đồng thời cũng làm đơn giản hóa công việc của vợ, chồng trong việc truy tìm các chứng cứ chứng minh.

3 KẾT LUẬN

Có thể khẳng định là giải pháp về ghi tên cả hai chủ sở hữu trong trường hợp tài sản là tài sản chung của vợ chồng sẽ không làm vô hiệu hóa nguyên tắc suy đoán tài sản chung được ghi nhận trong luật năm 2000. Khẳng định này trước tiên được rút ra từ thực tiễn áp dụng của luật Pháp. Bên cạnh đó, có thể thấy trong bối cảnh hiện nay trong các gia đình Việt Nam, các tài sản thuộc loại phải đăng ký quyền sở hữu chưa nhiều mà chủ yếu vẫn là các tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu, do đó việc ghi tên chủ sở hữu là cả vợ, chồng sẽ không thể thực hiện được một cách đồng bộ, do đó nguyên tắc suy đoán tài sản chung sẽ vẫn còn nguyên giá trị áp dụng trong thực tiễn.

Tóm lại, để bảo vệ và duy trì khối cộng đồng chung của vợ chồng, góp phần giải quyết tốt các tranh chấp về tài sản giữa vợ, chồng, nguyên tắc suy đoán tài sản chung được đặt ra như một công cụ pháp lý hữu hiệu trong luật Việt Nam và cả trong luật của Pháp. Để có thể phát huy hết vai trò của mình trong thực tiễn, đảm bảo tính pháp chế xã hội chủ nghĩa, trong bối cảnh hiện nay nguyên tắc này cần có một cơ chế pháp lý và thực tiễn phù hợp hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ luật Dân sự Pháp 1804.

Đinh Thị Mai Phương - Bình luận khoa học Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000-, Nxb Chính trị quốc gia, 2004.

Luật Hôn nhân và gia đình Việt nam năm 2000

Nghị quyết số 02/HĐTP-TANDTC (20/12/2000)

Nghị định 70/CP (2001) hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

Nguyễn Ngọc Điện - Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam tập 1- Đại học Cần Thơ.